

CÁC BỘ**LIÊN BỘ****TÀI CHÍNH - LAO ĐỘNG - THƯƠNG
BINH VÀ XÃ HỘI**

**THÔNG TƯ liên tịch số 33/2001/
TTLT-BTC-BLĐTBXH ngày
24/5/2001 hướng dẫn bổ sung, sửa
đổi Thông tư số 16/2000/TTLT-
BTC-BLĐTBXH ngày 28/2/2000
về chế độ tài chính đối với người
lao động và chuyên gia Việt Nam
đi làm việc có thời hạn ở nước
ngoài.**

Xét tình hình thực tiễn của việc đưa lao động và chuyên gia đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài, thực hiện ý kiến của Thủ tướng Chính phủ tại Công văn số 2175/VPCP-VX ngày 22/5/2001 của Văn phòng Chính phủ, liên tịch Bộ Tài chính-Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn sửa đổi, bổ sung một số điểm trong Thông tư số 16/2000/TTLT-BTC-BLĐTBXH ngày 28/2/2000 như sau:

1. Bỏ điểm 1.1c, khoản 1 Phần A và khoản 2 Mục III Phần B về chi phí hành chính phục vụ cho việc đăng ký theo dõi và quản lý lao động theo hợp đồng cá nhân do người lao động trực tiếp ký với bên thuê lao động ở nước ngoài.

2. Bỏ cụm từ “ và tiền nộp phạt ” tại khoản 3 Phần A; tiêu đề Mục III Phần B và khoản 1 Mục III của phần này.

3. Bổ sung vào khoản 4 Phần A nội dung sau:

Trường hợp người lao động được phía sử dụng lao động đài thọ một phần hoặc toàn bộ chi phí

thì các doanh nghiệp không được thu của người lao động các khoản chi phí đó.

4. Mức tiền đặt cọc:

Thay thế Phụ lục 01/LT và điều chỉnh mức tối đa tiền đặt cọc của người lao động như sau:

- Đối với người đi lao động hoặc tu nghiệp tại Hàn Quốc, Nhật Bản, Đài Loan thì mức tiền đặt cọc bằng 1 lượt vé máy bay và 1 tháng lương theo hợp đồng.

- Đối với người đi lao động ở các thị trường khác (kể cả đối tượng là sĩ quan và thuyền viên) thì mức tiền đặt cọc bằng 1 lượt vé máy bay.

Các doanh nghiệp xuất khẩu lao động thực hiện mở tài khoản tiền gửi tại Kho bạc nhà nước để nộp toàn bộ tiền đặt cọc thu của người lao động và quản lý theo Nghị định số 152/NĐ-CP.

5. Sửa điểm a và điểm b, khoản 2, Mục I Phần B như sau:

Để đảm bảo tính thống nhất về mức thu phí dịch vụ của các doanh nghiệp đối với người lao động, mức phí dịch vụ được thực hiện như sau:

a) Trường hợp tiền lương theo hợp đồng mà bên sử dụng lao động trả cho người lao động không bao gồm tiền ăn, ở, bảo hiểm tai nạn lao động và bảo hiểm y tế trong thời gian làm việc ở nước ngoài thì mức phí dịch vụ là 10% tiền lương theo hợp đồng. Riêng đối với sĩ quan và thuyền viên làm việc trên tàu vận tải biển thì mức phí dịch vụ là 16% tiền lương theo hợp đồng.

b) Trường hợp tiền lương theo hợp đồng bao gồm cả tiền ăn, ở, bảo hiểm tai nạn lao động, bảo hiểm y tế mà không tách ra được, thì mức phí dịch vụ là 5% tiền lương theo hợp đồng; đối với sĩ quan, thuyền viên làm việc trên tàu vận tải biển thì mức phí dịch vụ là 8% tiền lương theo hợp đồng. Nếu tách được các khoản về tiền

ăn, ở, bảo hiểm tai nạn lao động và bảo hiểm y tế thì mức phí dịch vụ được tính theo quy định tại điểm a nói trên.

6. Bổ sung thêm điểm 4a Mục II Phần B như sau: “Phí hoa hồng môi giới của các doanh nghiệp xuất khẩu lao động trong việc khai thác hợp đồng cung ứng lao động được thực hiện theo Thông tư số 01/2000/TT-BTC ngày 05/1/2000 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc chi hoa hồng trong giao dịch, môi giới xuất khẩu”.

7. Thay thế quy định về xử lý vi phạm tại khoản 6 Mục II Phần B như sau:

“Doanh nghiệp xuất khẩu lao động vi phạm các chế độ tài chính quy định tại Thông tư này sẽ bị xử lý theo quy định tại Nghị định số 38/CP ngày 25/6/1996 của Chính phủ quy định xử phạt hành chính về hành vi vi phạm pháp luật lao động”.

Thông tư này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày ký. Các nội dung không đề cập đến trong Thông tư này vẫn thực hiện theo Thông tư liên tịch số 16/2000/TTLT-BTC-BLĐTBXH ngày 28/2/2000.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc đề nghị các Bộ, ngành, địa phương, các doanh nghiệp, người lao động phản ánh về Bộ Tài chính, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội để nghiên cứu giải quyết./.

KT. Bộ trưởng Bộ Tài chính
Thủ trưởng

LÊ THỊ BĂNG TÂM

KT. Bộ trưởng Bộ Lao động -
Thương binh và Xã hội
Thủ trưởng

NGUYỄN LƯƠNG TRÀO

**BỘ TÀI CHÍNH - BAN TỔ CHỨC -
CÁN BỘ CHÍNH PHỦ**

**THÔNG TƯ liên tịch số 36/2001/TTLT-
BTC-BTCCBCP ngày 25/5/2001
hướng dẫn thực hiện chế độ phụ
cấp phục vụ.**

Thi hành Quyết định số 144/2000/QĐ-TTg ngày 14/12/2000 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ phụ cấp phục vụ, sau khi có ý kiến của Ban Tổ chức Trung ương tại Công văn số 3040-CV/TCTW ngày 06/3/2001 và Công văn số 3254-CV/TCTW ngày 18/4/2001, liên tịch Bộ Tài chính - Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ hướng dẫn thực hiện như sau:

1. Đối tượng áp dụng và mức hưởng phụ cấp phục vụ:

a) Đối tượng hưởng mức phụ cấp phục vụ 300.000 đồng/tháng.

- Ủy viên Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Chủ tịch Hội đồng Dân tộc của Quốc hội; Chủ nhiệm Ủy ban của Quốc hội; Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội; Chủ nhiệm Văn phòng Chủ tịch nước.

- Trưởng ban của Đảng ở Trung ương; Chánh Văn phòng Trung ương Đảng; Giám đốc Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.

- Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ; Giám đốc Trung tâm Khoa học tự nhiên và Công nghệ Quốc gia; Giám đốc Trung tâm Khoa học xã hội và Nhân văn Quốc gia.

- Tổng thư ký Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam; Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam; Chủ tịch Hội Nông dân Việt Nam; Chủ tịch Hội Cựu chiến binh Việt Nam; Bí thư thứ nhất Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh.

096-9664

www.ThuVienPhapLuat.com
Tel: +84-8-3845 6684 * LawSoft